TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 09/07/2021

V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà : **Ông Phạm Xuân Thủy**

Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Nguyễn Thị Huyền Nga**

2/ Bà Hoàng Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: **Ông Đỗ Xuân Trường** – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên Toà: **Ông Đỗ Minh Tuấn** - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 164/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021.

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 phố NKK, Phường x, Quận X, Tp.C

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu H

Đại diện theo ủy quyền lại**:** bà Vũ Thị Thanh H *(Có mặt)*

Bị đơn: Chị Đỗ Thị H (*Vắng mặt*).

Hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 25 ngõ 179 đường MK, phường MK, quận H, TP.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2020, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải Nguyên đơn - Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng S - bà Vũ Thị Thanh H trình bày*:**

Ngày 11/08/2017, bà Đỗ Thị H có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075-xxxx, hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng, bà Đỗ Thị H đã thực hiện giao dịch 44.992.000 đồng ngày 31/08/2017. Tính đến ngày 02/6/2021 chưa thanh toán cho Ngân hàng, tổng dư nợ là: 122.882.499 đồng, trong đó: nợ gốc là 52.477.827 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.404.672 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Đỗ Thị H thu xếp tài chính trả nợ vay cho Ngân hàng nhưng bà Đỗ Thị H luôn vi phạm cam kết trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2021 là Tổng dư nợ là: 122.882.499 đồng, trong đó: nợ gốc là 52.477.827 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.404.672 đồng, lãi suất quá hạn: 3.225%/tháng.

Bà Đỗ Thị H phải chịu lãi suất quy định theo Hợp đồng cho tới khi tất toán khoản vay.

Bị đơn – bà Đỗ Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng bà H không hợp tác, đã không tới làm việc theo thông báo, không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên tòa - Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - bà Vũ Thị Thanh H: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Đỗ Thị H, yêu cầu bà Đỗ Thị H thanh toán tổng dư nợ tạm tính đến ngày 09/7/2021 là 125.026.231, trong đó nợ gốc: 52.477.827 đồng, nợ lãi quá hạn là 72.548.404 đồng, lãi suất quá hạn: 3.225%/tháng.

Bị đơn – chị Đỗ Thị H vắng mặt tại phiên tòa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc chị H thanh toán tổng cộng tạm tính đến ngày 09/7/2021 là: 116.357.466 đồng (một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm bảy nghìn, bốn trăm sáu

sáu đồng), trong đó: nợ gốc: 44.992.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.682.648 đồng; các loại chi phí: 2.803.179 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến 09/7/2021 là 62.199.190 đồng; Chị Đỗ Thị H tiếp tục chịu lãi suất theo sự thảo thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng S và bà Đỗ Thị H là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là bà Đỗ Thị H có địa chỉ hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 25 ngõ 179 đường MK, phường MK, quận H, TP.H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, hòa giải cho đến trước khi mở phiên tòa. Thẩm phán đã tống đạt văn bản bao gồm thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà Đỗ Thị H nhưng bà H thường xuyên không có mặt ở nhà, do đó thẩm phán tống đạt văn bản thông qua mẹ ruột và em trai của bà Hiền và đã giao cho bà. Tại phiên tòa ngày 28/6/2021, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa, xét xử vào ngày 09/7/2021 bà Đỗ Thị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị H theo thủ tục chung.

[2]: Về nội dung hiệu lực hợp đồng tín dụng:

Ngày 11/08/2017, Ngân hàng S và bà Đỗ Thị H ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 11/08/2017 của bà Đỗ Thị H, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075-xxxx với hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà Đỗ Thị H. Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14,16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2016 trong đó tại các Điều 1, 18, 19, 20, 23 và 24 có quy định: "*Dư nợ thẻ (gọi tắt là dư nợ) là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ*"; "*Tất*

cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên Thông báo"; "*Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ*"; "*việc thanh toán được áp dụng theo thứ tự: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ*"; "*lãi suất theo thỏa thuận giữa đơn vị phát hành và chủ thẻ*"; "*...lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại... đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ*"; "*Bên cạnh lãi suất, chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến thẻ*". Theo Thông báo thay đổi lãi suất số 710/TB-TTT ngày 31/12/2013, lãi suất giao dịch rút tiền mặt và tương đương áp dụng từ ngày 01/01/2014 là 2,5%/tháng. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tạikhoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng S đã cấp cho bà Đỗ Thị H 01 thẻ tín dụng: Số thẻ tín dụng: 472075-xxxx; Ngày cấp: 11/8/2017; Loại thẻ Visa Credit Gold; Hạn mức thẻ: 45.000.000 (bốn mươi năm triệu) đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà Đỗ Thị H đã rút số tiền 44.992.000 đồng vào ngày 31/8/2017, các tháng sau đó bà H không thực hiện thanh toán các khoản tiền theo thỏa thuận. Tính đến ngày 31/12/2017, bà Đỗ Thị H phải chịu tổng số nợ gồm: phí trễ hạn 2.042.314 đồng; Lãi chậm trả: 4.682.648 đồng, Phí vượt hạn mức: 361.865 đồng; Phí khác: 399.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Thị H trả nợ gốc là 52.477.827 đồng, trong đó bao gồm: Tiền giao dịch: 44.992.000 đồng, phí trễ hạn 2.042.314 đồng; Lãi chậm trả: 4.682.648 đồng, Phí vượt hạn mức: 361.865 đồng; Phí khác: 399.000 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định tại khoản 1.9 Điều 1 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng về xác định "dư nợ thẻ", nhưng không phù hợp với quy định về "dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn" tại điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước,Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng S, buộc bà Đỗ Thị H thanh toán dư nợ gốc là 44.992.000 đồng.

[4] Về yêu cầu đòi tiền lãi, phí:

Đối với số tiền lãi trong hạn và các loại phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực mà bà H chưa trả, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng,Tòa án buộc bà Hiền phải trả Ngân hàng S số tiền lãi trong hạn là 4.682.648 đồng và các loại phí là 2.803.179 đồng, tổng là 7.485.827 đồng. Đối với số tiền lãi quá hạn, Ngân hàng S yêu cầu bà H trả 70.404.672 đồng. Tuy nhiên, do Ngân hàng chỉ được chấp nhận số nợ gốc là 44.992.000 đồng, nên Tòa án xác định số tiền lãi quá hạn từ ngày 31/12/2017 đến ngày 09/7/2021 là: 44.992.000 đồng x 2,15%/30 ngày x 150% x 1286 ngày= 62.199.190 đồng. Căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng S, buộc bà Đỗ Thị H phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/7/2021 là 62.199.190 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Ngân hàng S yêu cầu bà H tạm tính đến ngày 09/7/2021 là 125.026.231 đồng, nhưng chỉ được Tòa án chấp nhận số tiền là 116.357.466 đồng nên phải chịu 433.000 đồng án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà H phải chịu 5.817.873 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1; Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 4

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

XỬ:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc đòi bà Đỗ Thị H trả nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiếm hợp đồng ký kết ngày 11/08/2017. Buộc bà Đỗ Thị H trả Ngân hàng TMCP S các khoản tiền tính đến ngày 09/7/2021 gồm: Nợ gốc: 44.992.000 đồng, lãi trong hạn là 4.682.648 đồng và các loại phí là 2.803.179 đồng, lãi quá hạn là 62.199.190 đồng. Tổng cộng là: 116.357.466 đồng (một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm bảy nghìn, bốn trăm sáu sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 433.000 đồng, được trừ vào 2.703.000 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/000xxxx ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H, được trả lại 2.270.000 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

3.2. Bà Đỗ Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.817.873 đồng (Năm triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng Scó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- Chi cục thi hành án dân sự quận H
- Đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM XUÂN THỦY